TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2024/HN-ST
Ngày: 31/7/2024.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Thành

2. Bà Trần Thị Sẩm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2024 về việc: Ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 313/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2024/QĐST-HN ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1982; (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà E ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân năm 2005, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên chồng tại ấp T, thị trấn T. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2006 thì chị N nói với anh và gia đình đi

làm, sau đó chị N đi luôn không có về nhà nữa. Anh có liên lạc để nói chị N về nhưng chị N không đồng ý về. Vợ chồng đã ly thân 15 năm, trong thời gian ly thân vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nên anh xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 08/03/2006 con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu của anh Nguyễn Thanh L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn chị Đỗ Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của anh Nguyễn Thanh L và chị Đỗ Thị N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Anh L yêu cầu được ly hôn với chị N. Anh cho rằng vợ chồng đã ly thân 15 năm, giữa vợ chông không còn tình cảm với nhau, không thể hàn gắn để về tiếp tục chung sống với nhau được.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy, giữa anh L và chị N đã có thời gian ly thân rất dài, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương và tin tưởng lẫn nhau. Tòa án đã triệu tập chị N nhiều lần đến Tòa để hòa giải với anh L nhưng chị N không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó

chứng minh chị N cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị N là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 08/03/2006 con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị N không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị N không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, anh L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh L.

Cụ thể tuyên:

1. Anh Nguyễn Thanh L được ly hôn với chị Đỗ Thị N.

2. Về con chung: Có một con chung cháu Nguyễn Thanh D, sinh ngày 08/03/2006, con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Thanh L trình bày không có và chị Đỗ Thị N không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Thanh L trình bày không có và chị Đỗ Thị N không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Thanh L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002058 ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án hoặc nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến